CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Ngày 31/03/2024	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.0%	**42.9%**	**36.4%**

DT thuần
Q1/24
57.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.60| -14.2%
YoY: ▲ 6.30| 12.4%

LN thuần
Q1/24
0.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.20| -95.1%
YoY: ▼0.26| -49.4%

LN sau thuế
Q1/24
3.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.13| -25.0%
YoY: ▲ 2.87| 575%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
10.3%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q1/24
2.5%
YoY: +/-▲ 0.6%

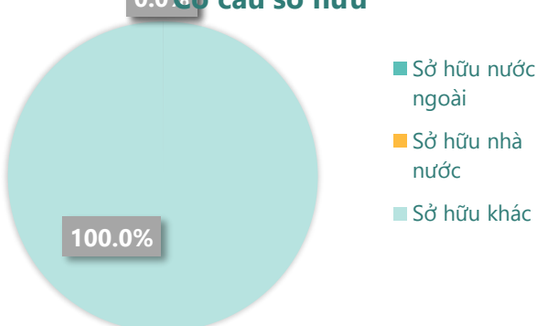
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 9,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	360
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,145
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.83
EPS	289
P/E	31.1

DT thuần
2023
238
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.0| 25.8%

LN thuần
2023
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.14| 954%

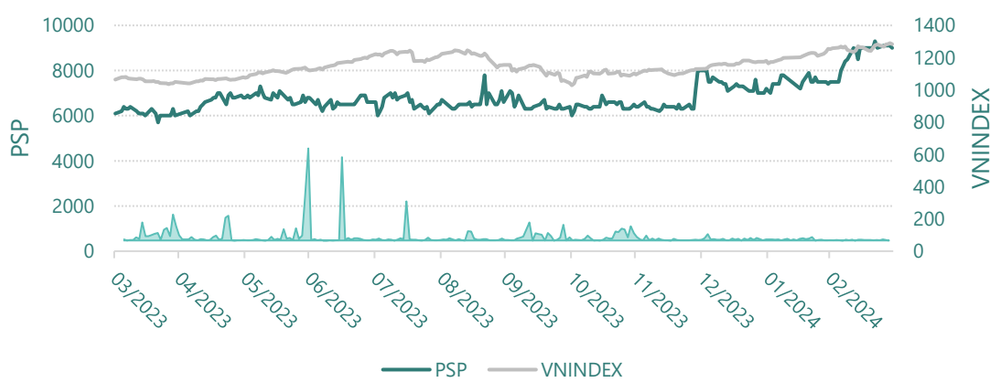
LN sau thuế
2023
8.66
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.56| 8972%

Cơ cấu sở hữu

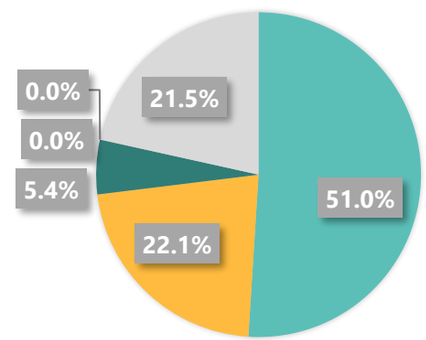


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

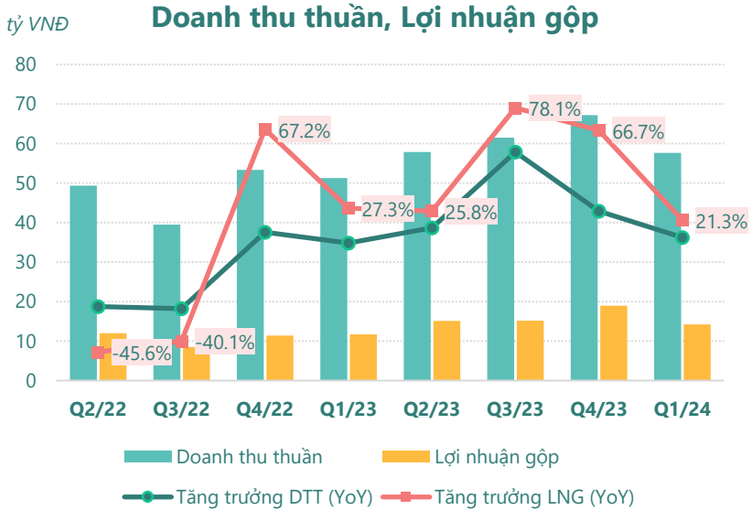


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- CTCP Container Việt Nam
- CTCP Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc Proconco
- Nguyễn Hải Bằng (Thành viên HĐQT)
- Vũ Hữu An (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

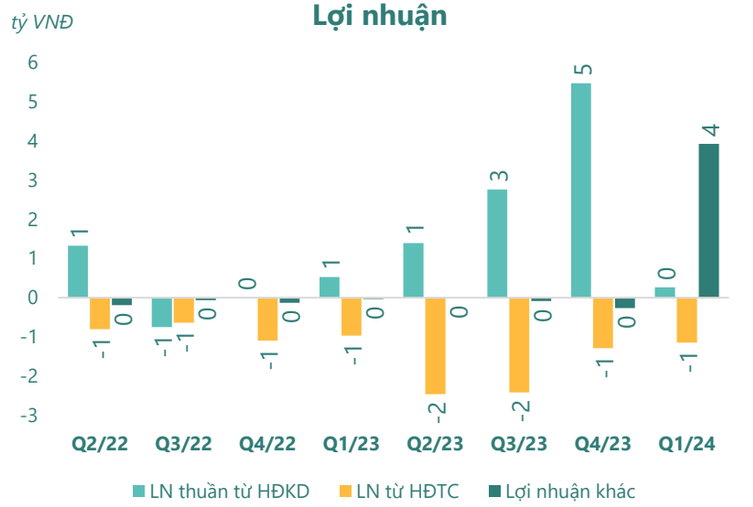
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



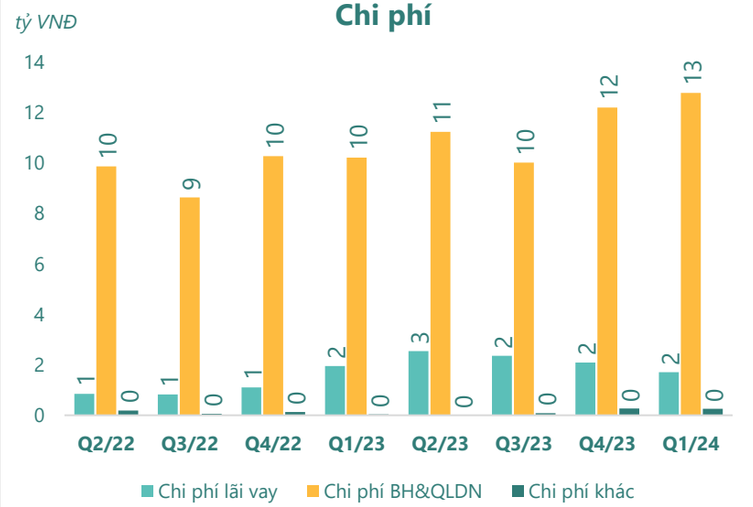
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



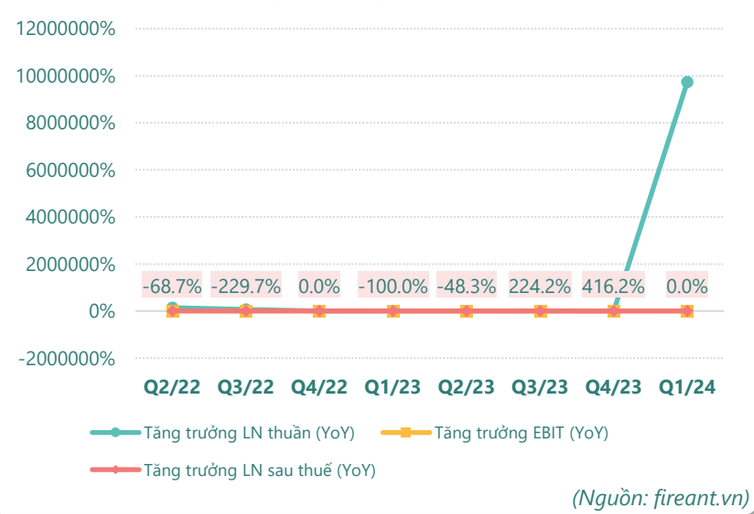
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



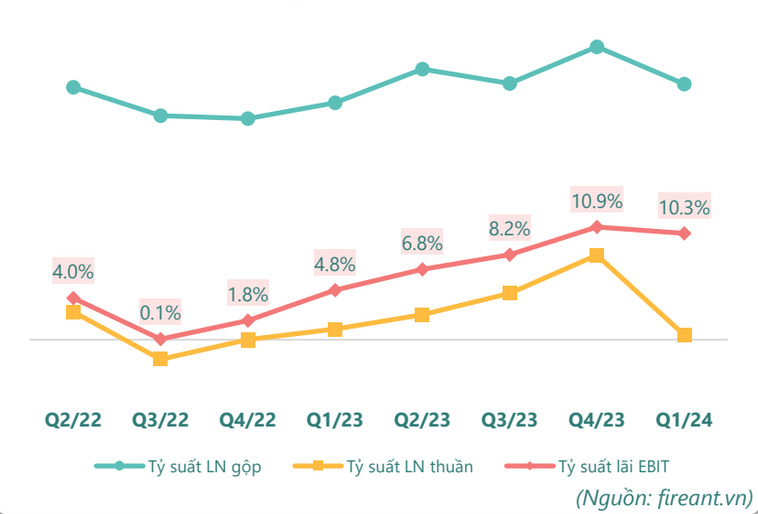
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



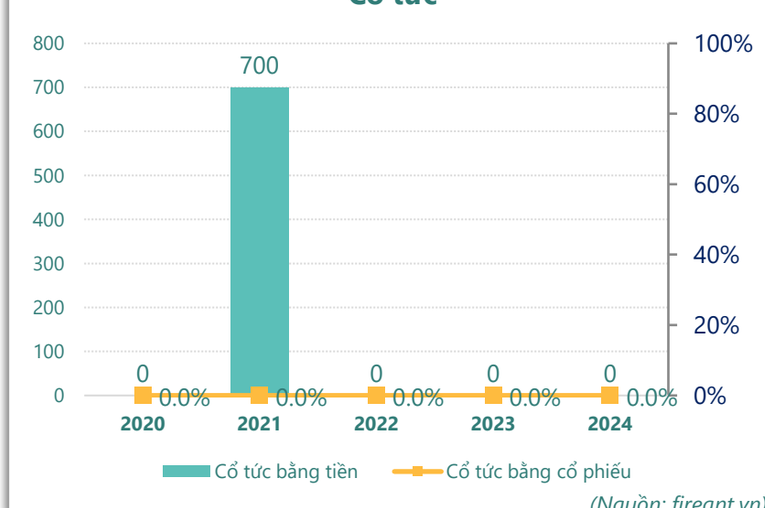
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

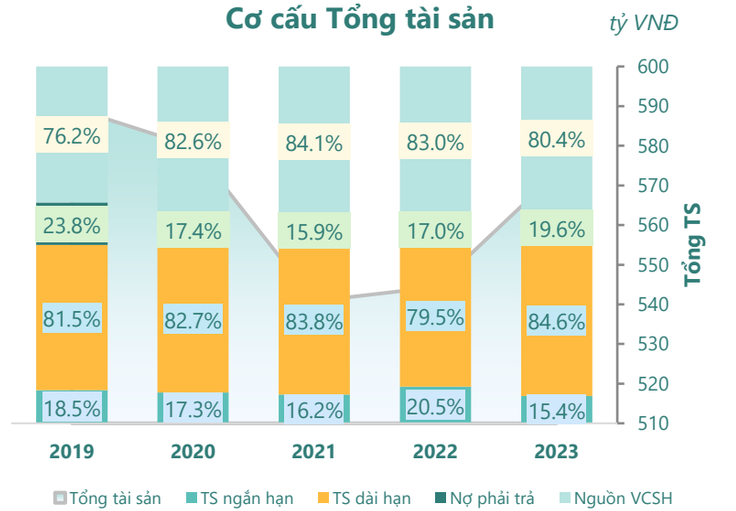
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

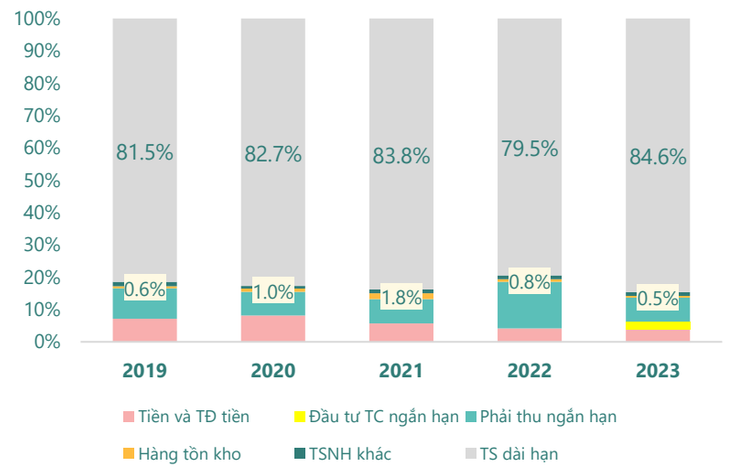
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



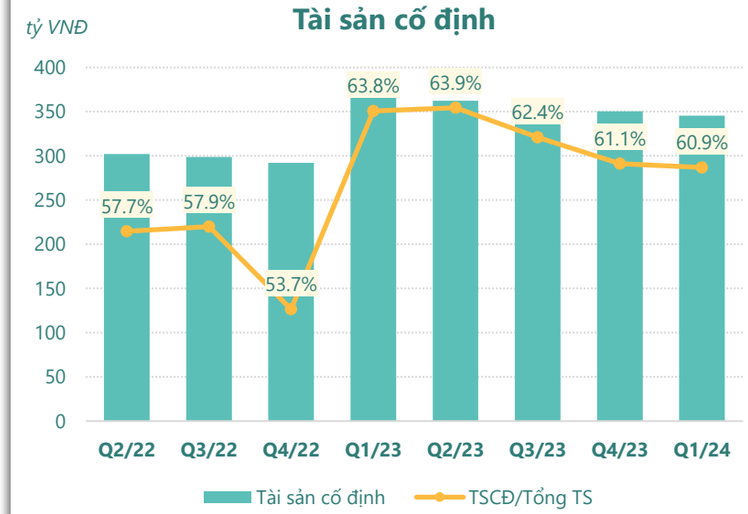
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



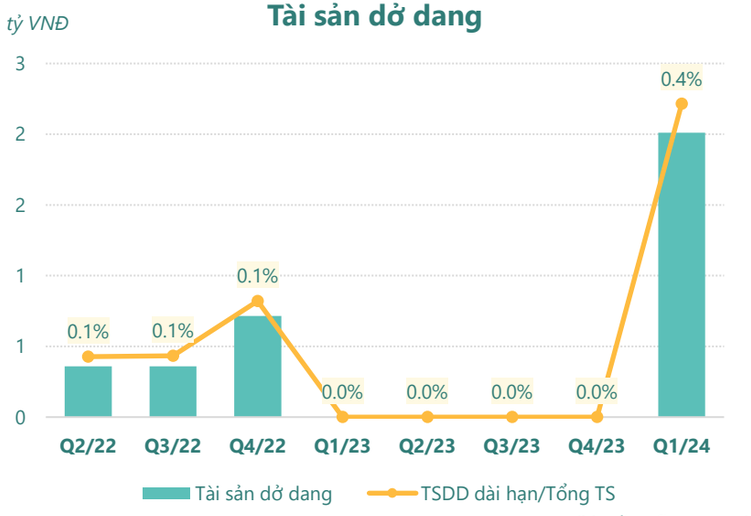
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



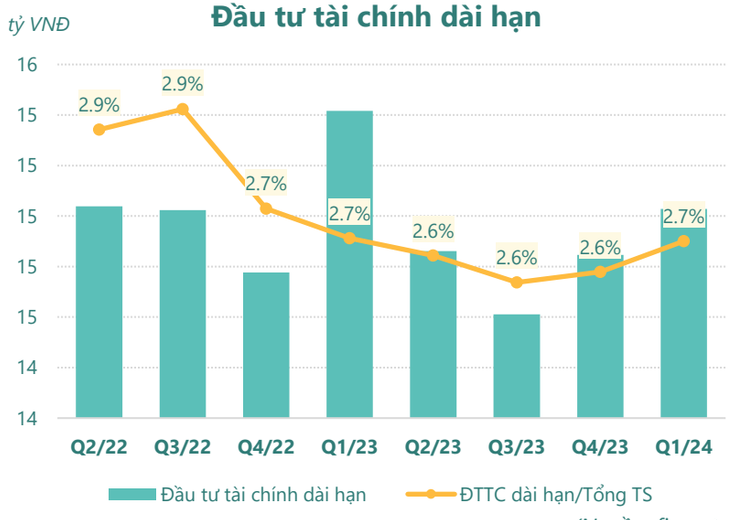
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



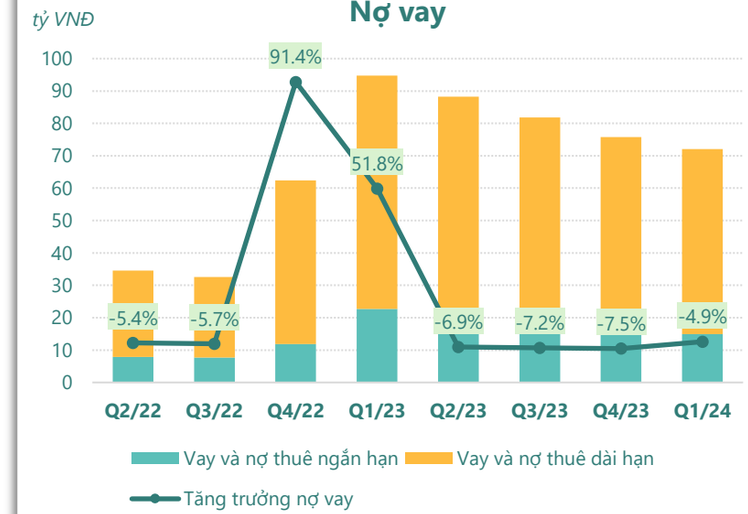
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

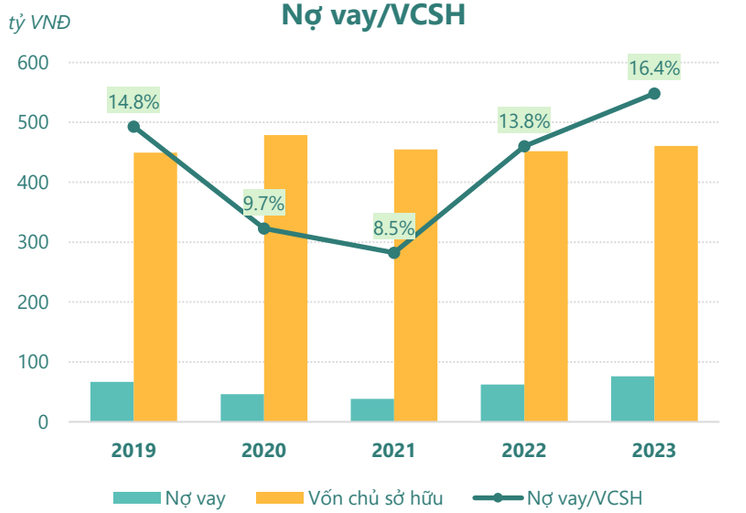
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

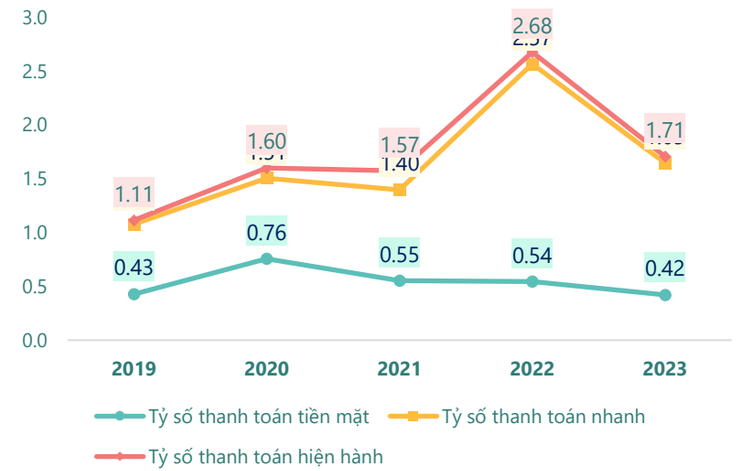
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



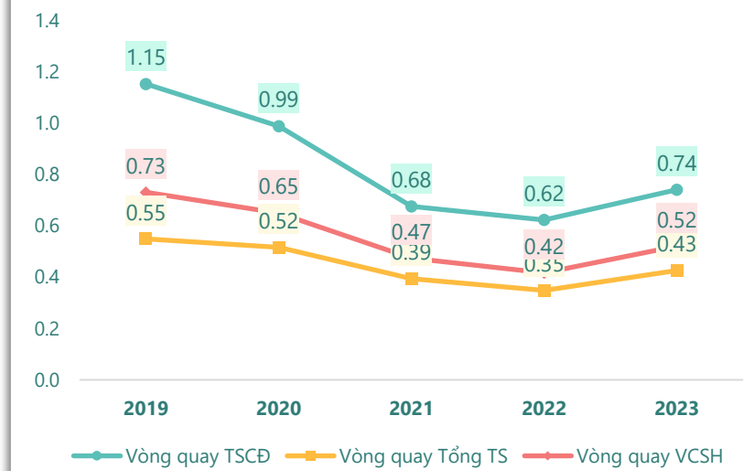
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



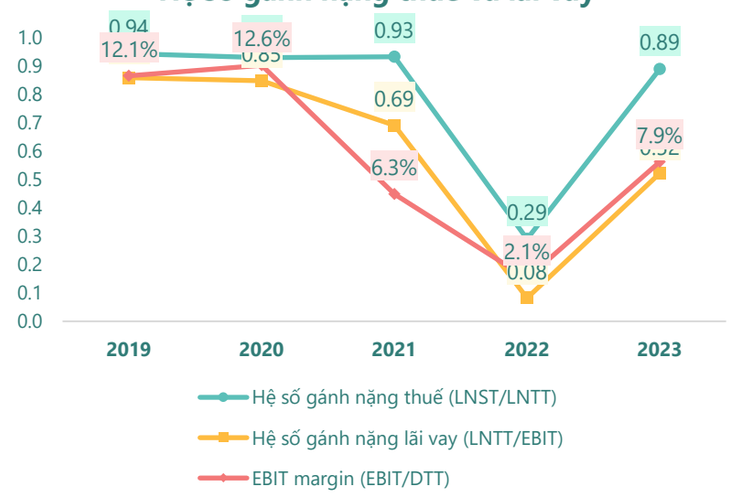
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



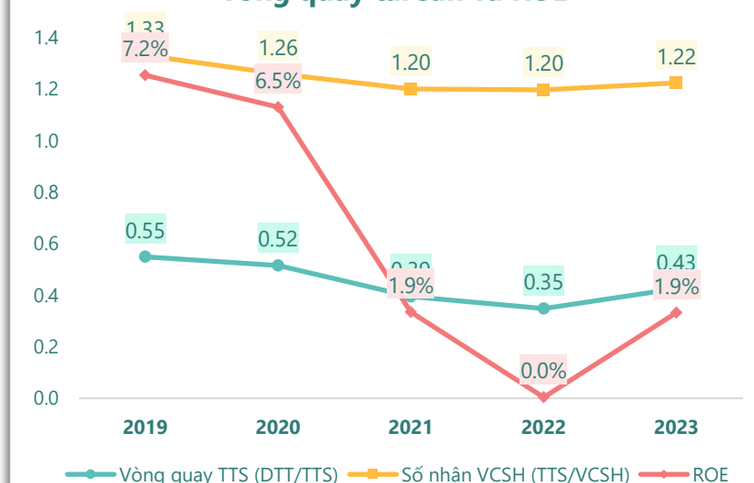
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



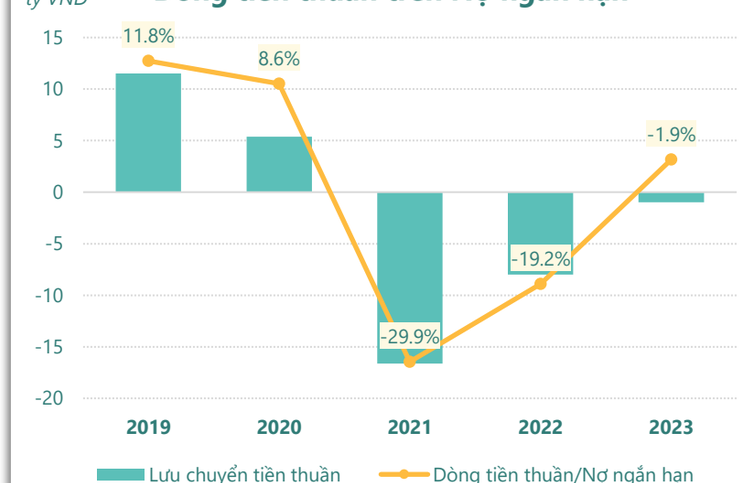
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**57.6**	**51.3**	**12.4%**	**238**	**189**	**25.8%**
Giá vốn hàng bán	43.4	39.6	9.7%	177	148	19.5%
Lợi nhuận gộp	14.2	11.7	21.5%	61.1	41.1	48.6%
Doanh thu HĐTC	0.39	0.52	-25.3%	1.85	1.06	75.1%
Chi phí TC	1.53	1.48	3.6%	8.97	3.67	145%
Chi phí lãi vay	1.72	1.95	-12.0%	8.95	3.68	143%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.98	5.77	38.3%	25.6	23.9	6.8%
Chi phí QLDN	**4.82**	**4.46**	**8.1%**	**18.3**	**13.6**	**34.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.27	0.53	-49.4%	10.1	0.96	954%
Lợi nhuận khác	**3.93**	**-0.03**	**13187%**	**-0.39**	**-0.63**	**38.0%**
LN trước thuế	4.19	0.50	739%	9.74	0.33	2859%
Lợi nhuận sau thuế	**3.37**	**0.50**	**575%**	**8.66**	**0.10**	**8972%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.37**	**0.50**	**575%**	**8.66**	**0.10**	**8972%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.97	44.7	-40.6	21.1	14.8	5.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.0	-74.7	37.0	-10.9	-5.71	-3.59
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.7	32.3	-6.54	-6.39	-6.11	-3.75
Tiền đầu kỳ	28.9	22.7	25.0	14.9	18.7	21.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.19**	**2.27**	**-10.1**	**3.85**	**3.01**	**-1.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	-0.01	0.02	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	22.7	25.0	14.9	18.7	21.7	20.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**567**	**573**	**-1.1%**
Tài sản ngắn hạn	86.5	88.1	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	20.0	21.7	-8.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	44.4	42.5	4.5%
Hàng tồn kho	3.14	3.11	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	5.03	6.80	-26.0%
Tài sản dài hạn	**481**	**485**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	345	350	-1.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.01	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	15.0	14.8	1.2%
Tài sản dài hạn khác	**118**	**120**	**-1.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	103	112	-8.4%
Nợ ngắn hạn	**45.9**	**51.6**	**-11.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.0	15.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.2	23.0	-29.4%
Nợ dài hạn	57.1	60.8	-6.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	57.1	60.8	-6.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**464**	**461**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**464**	**461**	**0.7%**
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)